TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13/4/2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quýnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Hiền

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Bích Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2020/ TLST - HNGĐ ngày 06/01/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/3/2020 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/2020/TB-TA ngày 24/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan H, sinh năm: 19xx; ĐKHKTT tại: Tổ x, khu x, phường D, thành phố P, tỉnh N - Vắng mặt, có đơn xin xử án vắng mặt.

Bị đơn: Anh Ngô Thế T, sinh năm: 19xx; ĐKHKTT tại: ĐKHKTT tại: Tổ x, khu x, phường D, thành phố P, tỉnh N - Vắng mặt, có đơn xin xử án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời tự khai và đơn xin xử án vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan H đều trình bày: Chị và anh Ngô Thế T kết hôn hợp pháp vào năm 2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường D. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu 01 năm, sau kết hôn vợ chồng chị về sống tại tổ x, khu x, phường D, thành phố P. Cuộc sống chung của vợ chồng chị sau kết hôn bình thường cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T

thường đi chơi qua đêm hoặc đến 2 - 3 giờ sáng mới về, không quan tâm đến vợ con, chị góp ý, khuyên can thì anh T chửi mắng, thậm chí còn đánh chị. Anh T không dành tình cảm cho chị, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt nhiều năm khiến chị không còn hi vọng hàn gắn mâu thuẫn. Kinh tế vợ chồng cũng không còn chung nhau, anh T tự quản lý kinh tế không đóng góp cùng chị để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình. Anh chị vẫn sống cùng một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, từ đầu năm 2020 thì mâu thuẫn của anh chị trầm trọng hơn, cãi nhau nhiều hơn, không còn bàn bạc, trao đổi với nhau về bất cứ vấn đề gì. Cuộc sống vợ chồng anh chị rất căng thẳng, mệt mỏi, không mang lại hạnh phúc cho nhau, mâu thuẫn của anh chị đã được khu phố và gia đình hai bên hòa giải nhưng không đạt kết quả, đến nay do không còn tình cảm dành cho anh T nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh Ngô Thế T có 01 con chung là Ngô Anh T1, sinh ngày 10/01/20xx, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án con chung có nguyện vọng ở cùng với chị nên khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con 3.000.000 đồng/tháng. Hiện nay chị làm công nhân tại Công ty cổ phần than Mông Dương thu nhập trung bình 5 triệu đồng/tháng, đảm bảo được các điều kiện nuôi con, anh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Công nợ chung: Không có.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn - anh Ngô Thế T nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt, sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo thay đổi thời gian xét xử của Tòa án, anh T có đơn xin xử án vắng mặt với quan điểm cụ thể như sau:

+ Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh có nhận được giấy triệu tập nhưng vì lý do bận công việc nên không đến Tòa để trình bày quan điểm, ý kiến cũng như không tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị H vào năm 2007 có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường D trên cơ sở tự nguyện, cuộc sống vợ chồng sau kết hôn bình thường cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng mặc dù anh đã nhờ đến gia đình hai bên hòa giải, phân tích động viên nhưng cũng không khắc phục được. Anh chị ở cùng nhà nhưng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng, nặng nề. Đến nay anh cũng không còn tình cảm dành cho chị H nên chị H xin ly hôn anh đồng ý.

+ Về con chung: Anh chị có 01 con chung đúng như chị H đã trình bày, khi

vợ chồng ly hôn do con chung muốn ở cùng với chị H nên anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng con, anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H một tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng/1 tháng), hiện nay anh làm lái xe thu nhập bình quân là 10.000.000 đồng nên đủ điều kiện cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận; Công nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56,81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Lan H yêu cầu xin ly hôn với anh Ngô Thế T hiện cư trú tại địa bàn thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Ngô Thế T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố P đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự, chị H và anh T đều có đơn xin xử án vắng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Lan H và anh Ngô Thế T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P vào năm 2007. Sau kết hôn, vợ chồng chị về sống tại nhà riêng ở tổ 4, khu 9, phường D, thành phố P. Lời khai của anh chị về thời gian chung sống hạnh phúc không giống nhau, chị H cho rằng đến năm 2015 anh chị đã phát sinh mâu thuẫn còn anh T cho rằng cuộc sống vợ chồng anh bình thường đến năm 2018 thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cơ bản là do vợ chồng không hợp nhau, chị H cho rằng anh T không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không

chung nhau về kinh tế, chị H không còn tin tưởng vào tình cảm của anh T. Anh chị cùng khẳng định vẫn sống cùng một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất nên không khí gia đình trở nên nặng nề, căng thẳng, anh chị có nhờ đến gia đình hai bên hòa giải để tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng không đạt kết quả. Lời khai của chị H và anh T về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cơ bản phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú và lời khai của con chung của anh chị nên chị H, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là có cơ sở. Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T.

* Về con chung**:** Chị Nguyễn Thị Lan H và anh Ngô Thế T có 01 con chung là Ngô Anh T1, sinh ngày 10/01/20xx, cả hai anh chị đều có quan điểm khi ly hôn chị H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, quan điểm này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung của anh chị là "muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng vì đã quen có sự chăm sóc của mẹ". Hiện nay chị H làm công nhân có mức thu nhập ổn định 5.000.000 đồng/tháng, cùng với sự cấp dưỡng cho con chung của anh T chị có thể nuôi con mà không gặp khó khăn hoặc trở ngại gì. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao con chung Ngô Anh T1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (tròn 18 tuổi). Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung 3.000.000 đồng/tháng, yêu cầu của chị H cũng phù hợp với quan điểm tự nguyện cấp dưỡng cho con chung của anh T trong đơn xin xử án vắng mặt nên cần ghi nhận mức cấp dưỡng này, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử cho đến khi con chung đến tuổi thành niên. Anh T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Lan H và anh Ngô Thế T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56**,** 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lan H và anh Ngô Thế T.

2. Về con chung: Giao con chung Ngô Anh T1, sinh ngày 10/01/20xx cho chị Nguyễn Thị Lan H có quyền, nghĩa vụ, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Ngô Thế T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con số tiền 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng một tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp ngày 02/01/2020 theo biên lai số: 0004989 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả. Anh Ngô Thế T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng cho con.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND phường D;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA - VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quýnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh T – Bàng Thị Hồng **Nguyễn Thị Quýnh**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;
- UBND phường Cẩm Thủy**;**
- Các đ- ơng sự;
- L- u HSVA – VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quýnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Thị Thanh T – Nguyễn Văn Hạ	**Nguyễn Thị Quýnh**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh T – Nguyễn Văn Hạ **Nguyễn Thị Quýnh**